

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**QUÝ I NĂM 2018**

---

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số dư tại ngày 31/03/2018	Số dư tại ngày 01/01/2018
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>302.223.342.224</b>	<b>315.679.322.113</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>83.904.659.488</b>	<b>93.580.035.383</b>
1. Tiền	111		11.738.375.280	24.752.639.397
2. Các khoản tương đương tiền	112		72.166.284.208	68.827.395.986
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>36.794.150.095</b>	<b>36.462.563.187</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		36.794.150.095	36.462.563.187
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>102.044.998.841</b>	<b>114.541.495.959</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	61.128.133.939	81.065.836.949
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	7.301.723.508	5.686.171.900
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	V.5	2.778.172.636	3.052.783.288
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.7	36.363.112.476	31.278.779.633
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.8	(5.526.143.718)	(6.542.075.811)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.9</b>	<b>78.240.569.816</b>	<b>70.601.124.559</b>
1. Hàng tồn kho	141		78.608.010.398	70.968.565.141
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(367.440.582)	(367.440.582)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.238.963.984</b>	<b>494.103.025</b>
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.146.303.279	494.103.025
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18	92.660.705	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>307.808.139.390</b>	<b>320.043.998.539</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>117.534.444.870</b>	<b>113.101.591.034</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.6	16.918.431.393	16.918.431.393
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.7	100.616.013.477	96.183.159.641
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>24.286.912.775</b>	<b>29.303.624.217</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	24.184.752.500	29.186.869.617
- Nguyên giá	222		32.133.076.786	38.888.770.589
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(7.948.324.286)	(9.701.900.972)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	102.160.275	116.754.600
- Nguyên giá	228		350.263.800	350.263.800
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(248.103.525)	(233.509.200)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.13</b>	<b>1.470.572.012</b>	<b>1.536.418.520</b>
- Nguyên giá	231		1.580.316.192	1.580.316.192
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(109.744.180)	(43.897.672)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>39.398.452.424</b>	<b>35.502.057.972</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.14	39.398.452.424	35.502.057.972
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>120.192.125.082</b>	<b>135.066.279.493</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		97.524.247.386	114.019.345.695
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		260.000.000	260.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(278.605.091)	(1.853.621.202)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		22.686.482.787	22.640.555.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.925.632.227</b>	<b>5.534.027.303</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	828.786.011	1.249.344.525
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15	4.096.846.216	4.284.682.778
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>610.031.481.614</b>	<b>635.723.320.652</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số dư tại ngày 31/03/2018	Số dư tại ngày 01/01/2018
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>263.071.614.764</b>	<b>308.621.917.672</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>219.573.278.764</b>	<b>266.360.154.672</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	40.420.647.248	70.538.121.614
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	38.017.268.599	37.307.402.323
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.18	3.072.406.335	4.635.861.755
4. Phải trả người lao động	314		7.617.987.464	12.108.937.776
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	48.751.268.628	46.559.459.017
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.21	10.013.026.546	24.021.714.199
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	1.908.483.485	12.604.508.210
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22	62.027.418.690	49.758.818.678
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.23	3.426.209.723	3.487.231.814
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.24	4.318.562.046	5.338.099.286
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>43.498.336.000</b>	<b>42.261.763.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.20	460.500.000	225.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22	43.037.836.000	42.036.763.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>V.25</b>	<b>346.959.866.850</b>	<b>327.101.402.980</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>346.959.866.850</b>	<b>327.101.402.980</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		119.999.070.000	119.999.070.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		119.999.070.000	119.999.070.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.700.930.000	5.700.930.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		44.411.814.794	44.411.814.794
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		176.848.052.056	156.989.588.186
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		156.989.588.186	63.629.162.352
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		19.858.463.870	93.360.425.834
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>610.031.481.614</b>	<b>635.723.320.652</b>

Tiền Giang ngày 26 tháng 4 năm 2018

Người lập biểu



**HUỲNH THỊ MỸ HƯƠNG**

Kế toán trưởng



**LÊ MỸ PHƯỢNG**



Tổng Giám đốc

**TRẦN HOÀNG HUÂN**

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1/2018

Đơn vị tính: VND

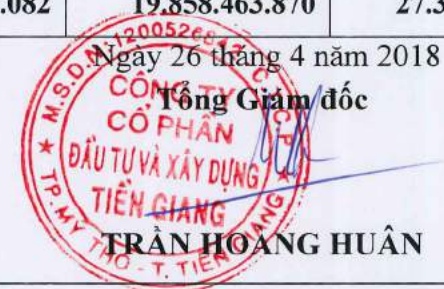
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>55.047.347.483</b>	<b>49.178.209.748</b>	<b>55.047.347.483</b>	<b>49.178.209.748</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>VI.1</b>	<b>55.047.347.483</b>	<b>49.178.209.748</b>	<b>55.047.347.483</b>	<b>49.178.209.748</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	42.163.959.542	25.431.786.601	42.163.959.542	25.431.786.601
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		12.883.387.941	23.746.423.147	12.883.387.941	23.746.423.147
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	13.036.717.162	15.880.916.235	13.036.717.162	15.880.916.235
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	913.856.908	247.077.451	913.856.908	247.077.451
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		635.251.817	247.077.451	635.251.817	247.077.451
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.595.191.201	1.261.547.833	1.595.191.201	1.261.547.833
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	1.615.871.342	4.610.858.254	1.615.871.342	4.610.858.254
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>21.795.185.652</b>	<b>33.507.855.844</b>	<b>21.795.185.652</b>	<b>33.507.855.844</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.7	237.636.597	111.573.136	237.636.597	111.573.136
12. Chi phí khác	32	VI.8	53.301.016	83.455.453	53.301.016	83.455.453
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>184.335.581</b>	<b>28.117.683</b>	<b>184.335.581</b>	<b>28.117.683</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>21.979.521.233</b>	<b>33.535.973.527</b>	<b>21.979.521.233</b>	<b>33.535.973.527</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.933.220.801	6.172.337.147	1.933.220.801	6.172.337.147
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		187.836.562	61.007.298	187.836.562	61.007.298
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>19.858.463.870</b>	<b>27.302.629.082</b>	<b>19.858.463.870</b>	<b>27.302.629.082</b>

Người lập biểu

HUỖNH THỊ MỸ HƯƠNG

Kế toán trưởng

LÊ MỸ PHƯỢNG



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Quý 1 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			-	-
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>21.979.521.233</b>	<b>33.535.973.527</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			-	-
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.019.465.990	467.382.672
- Các khoản dự phòng	03		(798.349.093)	1.857.634.305
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(3.089.305)	(974.441)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(13.232.930.673)	(15.879.941.794)
- Chi phí lãi vay	06		635.251.817	247.077.451
<b>3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>9.599.869.969</b>	<b>20.227.151.720</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		17.634.502.235	(3.728.485.657)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.332.064.174)	(62.440.866)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(44.233.393.854)	(10.138.483.757)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		154.697.926	(128.819.878)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.570.005.985)	(380.418.261)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.488.910.500)	(3.207.887.720)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.014.440.000)	(2.398.400.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(30.249.744.383)</b>	<b>182.215.581</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(3.282.019.394)	(11.684.615.813)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		277.272.727	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6.907.829.189)	(361.139.677)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.530.314.494	
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		6.584.100.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.099.767.533	11.750.576.675
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>7.301.606.171</b>	<b>(295.178.815)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			-	-
1. Tiền thu từ đi vay	33		27.670.723.630	19.008.969.493
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(14.401.050.618)	(11.802.965.895)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(11.999.907.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>13.269.673.012</b>	<b>(4.793.903.402)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(9.678.465.200)</b>	<b>(4.906.866.636)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>93.580.035.383</b>	<b>87.141.844.393</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.089.305	974.441
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>83.904.659.488</b>	<b>82.235.952.198</b>

Tiền Giang, ngày 26 tháng 4 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng



HUỲNH THỊ MỸ HƯƠNG      LÊ MỸ PHƯỢNG

TRẦN HOÀNG HUÂN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý 1 năm 2018**

Đơn vị tính: VND

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200526842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi lần thứ 13 ngày 27 tháng 12 năm 2016.

Tên tiếng Anh: TIEN GIANG INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: TICCO.

Vốn điều lệ: 119.999.070.000 đồng ( Một trăm mười chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, không trăm bảy mươi ngàn đồng).

Trụ sở chính: 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

Tại thời điểm 31/03/2018, Công ty có 03 (ba) đơn vị phụ thuộc và hạch toán kế toán phụ thuộc là: Xí nghiệp kinh doanh Vật liệu xây dựng có trụ sở đặt tại 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang; Sàn giao dịch Bất động sản TICCO có trụ sở đặt tại Lô 1 KCN Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và Văn phòng đại diện TICCO có trụ sở tại số 47 Nguyễn Trãi, Phường 2, TX Gò Công, Tiền Giang.

Ngày 8 tháng 3 năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định giải thể Xí nghiệp Thi công Cơ giới (xí nghiệp trực thuộc) theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/03/2018 là 56 người.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200526842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi lần thứ 13 ngày 27 tháng 12 năm 2016, hoạt động của Công ty là:

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công các công trình thủy lợi: Trạm bơm, cống, đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh cát san lấp;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Môi giới bất động sản, định giá bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quản lý bất động sản;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình công nghiệp
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2018 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- thoát nước;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
  - Đóng tàu và cầu kiện nổi. Chi tiết: Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới sà lan;
  - Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cống công trình thủy lợi;
  - Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn;
  - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông;
  - Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;
  - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; tư vấn đấu thầu, giám sát;
  - Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo bất động sản;
  - Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite;
  - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
  - Khai thác vận tải; lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite; thiết kế, sản xuất, chế tạo thiết bị nâng.

### 3. Cấu trúc tập đoàn

#### 3.1. Các công ty con trực tiếp

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Lô số 1, 2, 3, 4, 5, 6 khu công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100,00%	100,00%
2	Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO (*)	90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	66,67%	66,67%
3	Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO	90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100,00%	100,00%
4	Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO	90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100,00%	100,00%

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2018 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(\*) Theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 01 năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO (công ty con) với tên gọi là “Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO”, vốn điều lệ là 15.000.000.000 VND trong đó vốn nắm giữ của Công ty trong Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO là 10.000.000.000 VND chiếm 66,67% vốn điều lệ của công ty này.

### 3.2. Công ty liên kết

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty Cổ phần Testco	Lô số 1, 2, 3 khu công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	20,00%	20,00%

## II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Riêng báo cáo này lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn kèm theo.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, được soạn lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

### 2. Tiền và tương đương tiền

#### Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có



hiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### **Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

## **3. Các chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

### **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### **Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ**

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp Nhập trước – xuất trước.

### **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

### **Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

## **4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

### **Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

### **Lập dự phòng phải thu khó đòi**



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2018 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Dự phòng nợ phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### 5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Nguyên tắc ghi nhận giá trị TSCĐ hữu hình

Giá trị của tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc thiết bị	04 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04 năm

### 6. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán của Công ty.

Giá trị phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 6 năm

### 7. Bất động sản đầu tư

Giá trị bất động sản cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính từ thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi nhận tăng nguyên giá.

Bất động sản đầu tư của công ty là dãy kiot cho thuê, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 6 năm.

### 8. Kế toán các khoản đầu tư tài chính

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia

khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

**Phân loại các khoản đầu tư**

- Nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty con.
- Nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.
- Nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư dài hạn khác.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính**

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các đơn vị khác được trích lập khi các đơn vị này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các đơn vị này theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày lập báo cáo tài chính.

**Chi phí mua sắm tài sản cố định**

Chi phí mua sắm tài sản cố định phản ánh giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt, chạy thử,... tài sản trước khi đưa vào sử dụng.

**Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản**

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp mở rộng, và chi phí lãi vay... liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của công ty còn dở dang tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng.

**Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,... tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị nhỏ)/chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào “Chi phí trả trước dài hạn” để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất kinh doanh)

**10. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước**

526  
V.G  
PH  
À X  
GI  
- T.

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện hành thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **12. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn;
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

#### **13. Dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập vào cuối niên độ kế toán và chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giám sát về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Đối với dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được lập cho từng công trình xây lắp hoàn thành và được lập vào cuối kỳ kế toán năm hoặc cuối kỳ kế toán giữa niên độ.

Đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng, khoản nợ dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí sản xuất chung.

#### **14. Công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

### **Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, ký cược và đầu tư tài chính dài hạn khác.

### **Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

### **Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng;
- Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất khu dân cư Long Thành Hưng và dự án khu nhà ở TM xã Trung An được ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết đồng thời thủ tục chuyển quyền sử dụng đất sang tên cho người mua đã được hoàn tất.

### **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

## **16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng**

### **Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Doanh thu được xác định khi Công ty xuất hóa đơn cho khách hàng theo 2 trường hợp:

- Khi có biên bản nghiệm thu hoàn thành và xác nhận giữa hai bên A và B cho từng giai đoạn của hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ vào khối lượng công việc thực hiện hoàn thành theo tiến độ hợp đồng xây dựng.

#### **Chi phí của hợp đồng xây dựng**

Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều kiện của hợp đồng xây dựng.

#### **17. Giá vốn bất động sản được chuyển nhượng**

Giá vốn bất động sản được chuyển nhượng bao gồm toàn bộ chi phí phát sinh trực tiếp cho các hoạt động phát triển đất, nhà và các chi phí khác có liên quan được phân bổ trên cơ sở hợp lý cho các hoạt động này bao gồm:

- Các chi phí về đất và phát triển đất;
- Các chi phí xây dựng và liên quan đến xây dựng;
- Các chi phí khác có liên quan phát sinh trong quá trình hình thành bất động sản như các chi phí phát sinh từ hoạt động phát triển đất và công trình trên đất hiện tại và trong tương lai của dự án (như chi phí phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật chung và chi phí phát triển quỹ đất bắt buộc dành cho các mục đích công cộng,...).

#### **18. Chi phí**

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **19. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh

#### **20. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2018 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số dư 31/03/2018	Số dư 01/01/2018
Tiền mặt	281.712.898	308.843.451
Tiền gửi ngân hàng (i)		
- VNĐ	11.354.483.839	24.344.709.223
- USD	8.360.886	8.331.498
- EUR	93.817.657	90.755.225
Các khoản tương đương tiền (ii)	72.166.284.208	68.827.395.986
<b>Cộng</b>	<b>83.904.659.488</b>	<b>93.580.035.383</b>

(i) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

Tiền gửi ngân hàng	Gốc ngoại tệ	Tương đương VNĐ
- USD	367,35	8.360.886
- EUR	3.362,64	93.817.657

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2018 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

(ii) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại lãi suất từ 4,1%/ năm đến 5,2%/ năm (năm 2017: 4,3%/ năm đến 5,2%/ năm).

Trong đó số dư tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Tiền Giang là 2.314.871.264 đồng đã được đảm bảo cho các khoản bảo lãnh ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Tiền Giang theo hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2017/433488/HĐBL ngày 30 tháng 11 năm 2017 của công ty.

**2. Các khoản đầu tư tài chính****a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số dư 31/03/2018	Số dư 01/01/2018
<b>Ngắn hạn</b>	<b>36.794.150.095</b>	<b>36.462.563.187</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	36.794.150.095	36.462.563.187
<b>Dài hạn</b>	<b>22.686.482.787</b>	<b>22.640.555.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	22.686.482.787	22.640.555.000
<b>Cộng</b>	<b>59.480.632.882</b>	<b>59.103.118.187</b>

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm (ngắn hạn) và trên 1 năm (dài hạn) tại các Ngân hàng thương mại có lãi suất từ 5,3% đến 6,5% (năm 2017 từ 5,3%/ năm đến 6,5%/ năm).

Trong đó, các số dư tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Tiền Giang là 7.655.154.362 đồng (trong đó ngắn hạn: 2.284.454.362 đồng và dài hạn 5.370.700.000 đồng), đã được đảm bảo cho khoản bảo lãnh ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Tiền Giang theo hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2017/433488/HĐBL ngày 30/11/2017 và đảm bảo cho Giấy đề nghị phát hành thư tín dụng L/C của hợp đồng mua bán khuôn cọc ống.

**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2018 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	31/03/2018			01/01/2018		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>97.524.247.386</b>	<b>(278.605.091)</b>	<b>97.245.642.295</b>	<b>114.019.345.695</b>	<b>(1.853.621.202)</b>	<b>112.165.724.493</b>
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	74.000.000.000	-	74.000.000.000	74.000.000.000	-	74.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO (Trước ngày 25/01/2018 là Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO)	10.000.000.000	(278.605.091)	9.721.394.909	15.000.000.000	-	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang (*)	-	-	-	14.519.345.695	(1.853.621.202)	12.665.724.493
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO	7.000.000.000	-	7.000.000.000	7.000.000.000	-	7.000.000.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO	6.524.247.386	-	6.524.247.386	3.500.000.000	-	3.500.000.000
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>260.000.000</b>	<b>-</b>	<b>300.510.307</b>	<b>260.000.000</b>	<b>-</b>	<b>350.598.441</b>
Công ty Cổ phần Testco	260.000.000	-	300.510.307	260.000.000	-	350.598.441
<b>Cộng</b>	<b>97.784.247.386</b>	<b>(278.605.091)</b>	<b>97.546.152.602</b>	<b>114.279.345.695</b>	<b>(1.853.621.202)</b>	<b>112.516.322.934</b>

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết là giá được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết tại thời điểm lập báo cáo.

(\*) Công ty đã hoàn tất việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang không còn là công ty con của công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2018 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***3. Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	Số dư 31/03/2018	Số dư 01/01/2018
Phải thu khách hàng bán vật liệu xây dựng	22.458.145.512	23.723.669.010
Phải thu khách hàng thi công công trình xây dựng	26.461.110.929	45.119.097.009
Phải thu khách hàng sửa chữa, gia công cơ khí	6.427.463.540	5.590.112.540
Phải thu khách hàng thi công cơ giới	3.486.685.888	3.597.603.720
Phải thu khách hàng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	2.294.728.070	3.035.354.670
<b>Cộng</b>	<b>61.128.133.939</b>	<b>81.065.836.949</b>

**Chi tiết phải thu ngắn hạn của các khách hàng sau:****Phải thu các bên liên quan:**

Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO (Trước ngày 25/01/2018 là Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO)	10.793.603.303	10.111.082.030
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	9.381.729.056	5.375.648.630
Cty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO	10.103.083.732	12.750.200.362
Cty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO	141.975.511	21.714.000

**Phải thu các khách hàng khác:**

Trung tâm QLKT công trình thủy lợi Long An	1.909.481.000	2.526.968.000
Ban QLDA ĐT XD CT Giao thông Tiền Giang	288.181.000	774.249.000
Ban QLDA công trình NN và PTNT Cà Mau	4.809.549.538	4.809.549.538
Ban QLDA ĐT XD CT NN và PTNT Bến Tre	5.317.999.000	5.317.999.000
BQL các tiểu dự án RETA	2.430.937.100	4.197.521.000
Ban QL các DA đầu tư xây dựng TP. Mỹ Tho	483.000.000	483.000.000
Công ty TNHH Khánh Khanh	672.273.700	1.105.050.700
Công ty TNHH MTV Bê Tông Minh Tâm	412.164.000	190.700.000
Các khách hàng khác	14.384.156.999	33.402.154.689
<b>Cộng</b>	<b>61.128.133.939</b>	<b>81.065.836.949</b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2018 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

	<b>Số dư 31/03/2018</b>	<b>Số dư 01/01/2018</b>
Trả trước cho người bán kinh doanh VLXD	93.103.200	166.880.200
Trả trước cho người bán thi công công trình	5.329.901.000	3.368.582.000
Trả trước cho người bán cơ khí	0	671.000.000
Trả trước cho người bán kinh doanh bất động sản	1.878.719.308	1.479.709.700
	<b>7.301.723.508</b>	<b>5.686.171.900</b>

**Chi tiết trả trước các người bán sau:****Trả trước người bán là các bên liên quan:**

Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	768.008.000	768.008.000
Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO (Trước ngày 25/01/2018 là Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO)	211.307.000	357.095.000
Cty TNHH MTV Cơ khí công trình TICCO	0	671.000.000
Cty TNHH MTV XD TL TICCO	3.043.658.000	1.813.279.000

**Trả trước người bán khác:**

Trung tâm phát triển quỹ đất Huyện Gò Công Đông	288.883.200	288.883.200
Trung tâm phát triển quỹ đất TX Gò Công	800.000.000	500.000.000
Công ty TNHH An Quốc Thịnh	84.490.200	166.880.200
Các nhà cung cấp khác	2.105.377.108	1.121.026.500
<b>Cộng</b>	<b>7.301.723.508</b>	<b>5.686.171.900</b>

**5. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng**

	<b>Số dư 31/03/2018</b>	<b>Số dư 01/01/2018</b>
Công ty TNHH DV TM XD VT Vinh Phát	-	274.610.652
Công ty TNHH Xây dựng Tự Lập	652.955.005	652.955.005
Ban QLDA ĐT huyện Châu Thành	2.125.217.631	2.125.217.631
	<b>2.778.172.636</b>	<b>3.052.783.288</b>

**6. Phải thu về cho vay dài hạn**

	<b>Số dư 31/03/2018</b>	<b>Số dư 01/01/2018</b>
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO vay dài hạn	16.918.431.393	16.918.431.393
<b>Cộng</b>	<b>16.918.431.393</b>	<b>16.918.431.393</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đình Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2018 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***7. Phải thu khác**

	31/03/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a Ngắn hạn</b>	<b>36.363.112.476</b>	<b>(10.500.000)</b>	<b>31.278.779.633</b>	<b>(265.668.853)</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO ( <i>Trước ngày 25/01/2018 là Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO</i> )	8.457.270.221	-	4.816.996.258	-
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (*)	2.040.045.010	-	574.796.932	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO (*)	2.994.855.055	-	2.728.715.959	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí công trình TICCO (*)	1.163.089.780	-	1.615.241.528	-
Sở Tài chính tỉnh An Giang	-	-	255.168.853	(255.168.853)
Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Gò Công Đông	3.529.020.000	-	3.529.020.000	-
Trung tâm Phát triển Quỹ đất thị xã Gò Công	328.190.000	-	328.190.000	-
Tạm ứng nhân viên	4.034.151.271	-	3.389.181.082	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	13.816.491.139	(10.500.000)	14.041.469.021	(10.500.000)
<i>Lãi tiền gửi phải thu</i>	<i>1.159.688.294</i>	-	<i>1.622.721.110</i>	-
<i>Tạm ứng cổ tức</i>	<i>11.999.879.000</i>	-	<i>11.999.879.000</i>	-
<i>Thuế TNCN phải thu lại</i>	<i>10.076.837</i>	-	<i>10.076.837</i>	-
<i>Các khoản bảo hiểm phải thu</i>	<i>27.080.371</i>	-	<i>36.400.458</i>	-
<i>Các khoản phải thu khác</i>	<i>1.239.533.274</i>	<i>(10.500.000)</i>	<i>372.391.616</i>	<i>(10.500.000)</i>
<b>b Dài hạn</b>	<b>100.616.013.477</b>	-	<b>96.183.159.641</b>	-
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (**)	100.616.013.477	-	96.183.159.641	-
<b>Cộng</b>	<b>136.979.125.953</b>	<b>(10.500.000)</b>	<b>127.461.939.274</b>	<b>(265.668.853)</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan (*)</b>	<b>14.655.260.066</b>	-	<b>9.735.750.677</b>	-
<b>Phải thu dài hạn khác là các bên liên quan (**)</b>	<b>100.616.013.477</b>	-	<b>96.183.159.641</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2018 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***8. Nợ xấu**

	31/03/2018			01/01/2018		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>5.585.030.588</b>	<b>641.782.223</b>	<b>(4.943.248.365)</b>	<b>6.389.399.188</b>	<b>430.218.730</b>	<b>(5.959.180.458)</b>
Công ty Cổ phần GTVT Kiên Giang	925.888.360	-	(925.888.360)	925.888.360	-	(925.888.360)
Công ty Cổ phần ĐTXD Thủy lợi Lâm Đồng	284.333.500	-	(284.333.500)	284.333.500	-	(284.333.500)
Bà Đặng Thị Linh	369.000.000	-	(369.000.000)	713.000.000	-	(713.000.000)
Các khách hàng khác	4.005.808.728	641.782.223	(3.364.026.505)	4.466.177.328	430.218.730	(4.035.958.598)
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>317.226.500</b>		<b>(317.226.500)</b>	<b>317.226.500</b>	-	<b>(317.226.500)</b>
Công ty Sagel	115.496.500	-	(115.496.500)	115.496.500	-	(115.496.500)
Công ty Kiến trúc P.A	50.000.000	-	(50.000.000)	50.000.000	-	(50.000.000)
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Simon	56.000.000	-	(56.000.000)	56.000.000	-	(56.000.000)
DNTN Tấn Hưng 1	40.349.000	-	(40.349.000)	40.349.000	-	(40.349.000)
Công ty TNHH Thiết kế & Quảng cáo Đ.P.Nam	16.181.000	-	(16.181.000)	16.181.000	-	(16.181.000)
Ông Võ Trọng Kỳ	39.200.000	-	(39.200.000)	39.200.000	-	(39.200.000)
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>10.500.000</b>		<b>(10.500.000)</b>	<b>265.668.853</b>	-	<b>(265.668.853)</b>
Sở Tài chính An Giang	-	-	-	255.168.853	-	(255.168.853)
Ông Nguyễn Hữu Đăng Khoa	10.500.000	-	(10.500.000)	10.500.000	-	(10.500.000)
<b>Cộng</b>	<b>6.167.925.941</b>	<b>641.782.223</b>	<b>(5.526.143.718)</b>	<b>6.972.294.541</b>	<b>430.218.730</b>	<b>(6.542.075.811)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đình Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2018 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***9. Hàng tồn kho**

	31/03/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	120.677.118	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	396.939.958	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	63.755.023.247	(367.440.582)	55.593.799.640	(367.440.582)
Thành phẩm bất động sản	12.984.016.446	-	13.073.217.196	-
Hàng hóa	1.868.970.705	-	1.783.931.229	-
<b>Cộng</b>	<b>78.608.010.398</b>	<b>(367.440.582)</b>	<b>70.968.565.141</b>	<b>(367.440.582)</b>

(\*) Bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các công trình sau:

	Số dư 31/03/2018	Số dư 01/01/2018
Khu nhà ở TM xã Trung An	11.115.139.900	20.780.607.595
KDC đường Nguyễn Trãi nối dài	51.534.617.546	33.957.743.916
KDC Mỹ Thạnh Hưng	60.173.509	60.173.509
Khu dân cư đường Nguyễn Trọng Dân	387.959.773	324.811.591
Các công trình xây dựng	657.132.519	470.463.029
<b>Cộng</b>	<b>63.755.023.247</b>	<b>55.593.799.640</b>

**10. Chi phí trả trước**

	Số dư 31/03/2018	Số dư 01/01/2018
Công cụ, dụng cụ	724.015.994	808.517.406
Chi phí sửa chữa	104.770.017	440.827.119
<b>Cộng</b>	<b>828.786.011</b>	<b>1.249.344.525</b>

**11. Tài sản cố định hữu hình**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2018 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
01/01/2018	3.434.904.215	16.017.278.306	19.035.176.250	401.411.818	38.888.770.589
Tăng trong năm	-	219.287.763	-	-	219.287.763
Giảm trong năm	302.094.980	6.153.394.586	519.492.000	-	6.974.981.566
Góp vốn	302.094.980	3.951.761.218	-	-	4.253.856.198
Thanh lý, nhượng bán	-	2.201.633.368	519.492.000	-	2.721.125.368
<b>31/03/2018</b>	<b>3.132.809.235</b>	<b>10.083.171.483</b>	<b>18.515.684.250</b>	<b>401.411.818</b>	<b>32.133.076.786</b>
					<b>6.755.693.803</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
01/01/2018	3.058.341.108	2.975.712.303	3.338.475.592	329.371.969	9.701.900.972
Tăng trong năm	22.352.727	396.358.726	518.954.581	6.456.363	944.122.397
Khấu hao trong năm	22.352.727	396.358.726	518.954.581	6.456.363	944.122.397
Giảm trong năm	159.439.032	2.290.802.797	247.457.254	-	2.697.699.083
Góp vốn	159.439.032	1.467.109.738	-	-	1.626.548.770
Thanh lý, nhượng bán	-	823.693.059	247.457.254	-	1.071.150.313
<b>31/03/2018</b>	<b>2.921.254.803</b>	<b>1.081.268.232</b>	<b>3.609.972.919</b>	<b>335.828.332</b>	<b>7.948.324.286</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
01/01/2018	376.563.107	13.041.566.003	15.696.700.658	72.039.849	29.186.869.617
31/03/2018	211.554.432	9.001.903.251	14.905.711.331	65.583.486	24.184.752.500
<b>Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao vẫn còn sử dụng</b>					
01/01/2018	2.797.740.414	111.378.140	1.134.511.500	284.330.000	4.327.960.054
31/03/2018	2.797.740.414	111.378.140	1.134.511.500	284.330.000	4.327.960.054
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ đang thế chấp để đảm bảo nợ vay:</b>					
01/01/2018	169.737.371	12.489.735.971	15.433.057.297	72.039.849	28.164.570.488
31/03/2018	13.592.655	8.664.840.141	14.748.325.041	65.583.486	23.492.341.323

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2018 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***12. Tài sản cố định vô hình (Phần mềm kế toán)**

Chỉ tiêu	Số dư 01/01/2018	Tăng	Giảm	Số dư 31/03/2018
Nguyên giá	350.263.800	-	-	350.263.800
Giá trị hao mòn lũy kế	233.509.200	14.594.325	-	248.103.525
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>116.754.600</b>	<b>14.594.325</b>	<b>-</b>	<b>102.160.275</b>

**13. Bất động sản đầu tư (Dãy kiot cho thuê)**

Chỉ tiêu	Số dư 01/01/2018	Tăng	Giảm	Số dư 31/03/2018
Nguyên giá	1.580.316.192			1.580.316.192
Giá trị hao mòn lũy kế	43.897.672	65.846.508		109.744.180
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>1.536.418.520</b>	<b>65.846.508</b>		<b>1.470.572.012</b>

**14. Chi phí xây dựng dở dang**

	31/03/2018	01/01/2018
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	<b>7.735.014.042</b>	<b>7.681.913.720</b>
Mua căn hộ	872.334.042	822.733.720
Mua đất đầu tư Trạm trộn bê tông Bến Tre	6.862.680.000	6.859.180.000
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>	<b>31.663.438.382</b>	<b>27.820.144.252</b>
Chi phí xây dựng mới Văn phòng làm việc TICCO	8.892.186.047	6.123.174.462
Cụm Công Nghiệp Gia Thuận 1	21.130.603.478	21.130.603.478
Cụm Công Nghiệp Gia Thuận 2	504.358.642	504.358.642
Nhà kho cho thuê	62.007.670	62.007.670
Văn phòng cho thuê	1.074.282.545	
<b>Cộng</b>	<b>39.398.452.424</b>	<b>35.502.057.972</b>

**15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Số tiền tạm thu KD BĐS	Chi phí dự phòng và chi phí phân bổ	Các khoản lỗ tính thuế	Chi phí khấu hao TSCD không hoạt động	Cộng
<b>Số dư 01/01/2018</b>	<b>311.820.207</b>	<b>615.213.071</b>	<b>3.357.649.500</b>	<b>-</b>	<b>4.284.682.778</b>
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(191.025.827)	-	-	3.189.265	(187.836.562)
<b>Số dư 31/03/2018</b>	<b>120.794.380</b>	<b>615.213.071</b>	<b>3.357.649.500</b>	<b>3.189.265</b>	<b>4.096.846.216</b>

**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số dư 31/03/2018	Số dư 01/01/2018
Phải trả người bán vật liệu xây dựng	8.356.686.966	12.629.599.230
Phải trả người bán thi công công trình	23.614.250.416	53.576.008.408

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2018 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

	<b>Số dư 31/03/2018</b>	<b>Số dư 01/01/2018</b>
Phải trả người bán thi công cơ giới	0	37.520.998
Phải trả người bán gia công cơ khí	2.083.928.000	3.634.826.912
Phải trả người bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất	6.365.781.866	660.166.066
<b>Cộng</b>	<b>40.420.647.248</b>	<b>70.538.121.614</b>

**Chi tiết phải trả ngắn hạn của các người bán sau:****Phải trả người bán là các bên liên quan:**

Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	1.214.624.600	140.776.020
Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO <i>(Trước ngày 25/01/2018 là Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO)</i>	7.188.849.129	17.570.430.400
Cty TNHH MTV Cơ khí công trình TICCO	2.259.469.890	3.634.826.912
Cty TNHH MTV Xây dựng thủy lợi TICCO	11.604.273.156	25.011.267.282
Công ty CP ĐT & XD TICCO An Giang	0	1.118.170.926

**Phải trả người bán khác:**

Cty Cổ phần 6.3	4.209.282.052	4.209.282.052
Công ty CP Xây dựng Thới Bình	3.357.230.000	3.357.230.000
DNTN Lê Thành Tài	3.080.959.954	4.950.564.735
Công ty TNHH XD & GT Hưng Vạn	380.160.000	5.223.168.000
Các khách hàng khác	7.125.798.467	5.322.405.287
<b>Cộng</b>	<b>40.420.647.248</b>	<b>70.538.121.614</b>

**17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<b>Số dư 31/03/2018</b>	<b>Số dư 01/01/2018</b>
Người mua vật liệu xây dựng trả tiền trước	5.805.000	22.960.000
Người mua thi công công trình trả tiền trước	35.937.219.299	30.116.335.823
Người mua thi công cơ giới trả tiền trước	7.800.000	7.800.000
Người mua chuyển nhượng quyền sử dụng đất trả tiền trước	2.066.444.300	7.160.306.500
<b>Cộng</b>	<b>38.017.268.599</b>	<b>37.307.402.323</b>

**Chi tiết khoản người mua ứng tiền trước sau:**

Ban QLDA ĐT XD CT NN và PTNT Bến Tre	18.328.747.600	18.328.747.600
--------------------------------------	----------------	----------------

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2018 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	<u>Số dư 31/03/2018</u>	<u>Số dư 01/01/2018</u>
Ban QLDA ĐT XD CT Giao thông Tiền Giang	4.335.311.000	3.680.000.000
Ban quản lý các dự án đầu tư huyện Cai Lậy	5.531.349.856	5.757.710.000
Khách hàng dự án Long Thạnh Hưng	2.066.286.500	1.206.286.500
Các khách hàng khác	7.755.573.643	8.334.658.223
<b>Cộng</b>	<b>38.017.268.599</b>	<b>37.307.402.323</b>

**18. Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

Chỉ tiêu	Tại ngày 01/01/2018		Số phát sinh trong kỳ		Tại ngày 31/03/2018	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải thu	Số phải nộp
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước	-	-	833.182.827	833.182.827	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp		4.548.860.321	1.933.220.801	3.488.910.500	-	2.993.170.622
Thuế TNCN từ tiền lương tiền công	-	9.282.921	123.445.392	225.389.018	92.660.705	-
Thuế TNCN thuê ngoài		77.718.513	15.367.200	13.850.000	-	79.235.713
Thuế môn bài	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
<b>Cộng</b>		<b>4.635.861.755</b>	<b>2.911.216.220</b>	<b>4.567.332.345</b>	<b>92.660.705</b>	<b>3.072.406.335</b>

**19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số dư 31/3/2018</u>	<u>Số dư 01/01/2018</u>
Giá vốn ước tính các dự án khu dân cư	45.280.577.471	42.891.392.422
Chi phí thi công công trình xây dựng	3.282.841.627	3.282.841.627
Chi phí lãi vay phải trả	0	230.433.127
Các chi phí phải trả khác	187.849.530	154.791.841
<b>Cộng</b>	<b>48.751.268.628</b>	<b>46.559.459.017</b>

**20. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>31/03/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.908.483.485</b>	<b>12.604.508.210</b>
Kinh phí công đoàn	39.032.631	23.798.553
Thù lao HĐQT	66.688.731	66.688.731
Thuế TNCN	5.967.802	5.967.802

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đình Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2018 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Công ty Cổ phần Testco (*)	13.186.591	13.186.591
Công ty Cổ phần 6.3	979.971.536	1.695.939.950
Hoa hồng bán hàng	484.779.174	484.779.174
Phải trả về cổ phần hóa	176.790.020	176.790.020
Thu trước tiền bán cổ phần tại công ty con	0	10.000.000.000
Các khoản phải trả khác	142.067.000	137.357.389
<b>b) Dài hạn</b>	<b>460.500.000</b>	<b>225.000.000</b>
Nhận tiền đặt cọc cho thuê	460.500.000	225.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.368.983.485</u></b>	<b><u>12.829.508.210</u></b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan (*)</b>	<b><u>13.186.591</u></b>	<b><u>13.186.591</u></b>

**21. Doanh thu chưa thực hiện**

	<u>Số dư 31/03/2018</u>	<u>Số dư 01/01/2018</u>
Doanh thu chưa thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất các dự án bất động sản	10.013.026.546	24.021.714.199
<b>Cộng</b>	<b><u>10.013.026.546</u></b>	<b><u>24.021.714.199</u></b>

**22. Vay và nợ thuê tài chính**

68  
 37  
 H/  
 XÃ)  
 iIA  
T.T

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2018 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số dư 31/03/2018		Trong kỳ		Số dư 01/01/2018
	Giá trị	Tăng	Giảm	Phân loại nợ vay dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	Giá trị
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>62.027.418.690</b>	<b>20.266.223.630</b>	<b>(14.401.050.618)</b>	<b>6.403.427.000</b>	<b>49.758.818.678</b>
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>33.982.799.690</i>	<i>20.266.223.630</i>	<i>(12.085.541.618)</i>	<i>0</i>	<i>25.802.117.678</i>
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (i)	33.982.799.690	20.266.223.630	(12.085.541.618)		25.802.117.678
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (số phải trả trong vòng 12 tháng)</i>	<i>28.044.619.000</i>	<i>0</i>	<i>(2.315.509.000)</i>	<i>6.403.427.000</i>	<i>23.956.701.000</i>
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang đến hạn trả	8.389.369.000	-	(2.106.009.000)	1.654.677.000	8.840.701.000
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	838.000.000	-	(209.500.000)	209.500.000	838.000.000
Vay dài hạn Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang	7.727.500.000	-	-	4.136.750.000	3.590.750.000
Vay cá nhân dự án Nguyễn Trãi	11.089.750.000			402.500.000	10.687.250.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>43.037.836.000</b>	<b>7.404.500.000</b>	<b>0</b>	<b>(6.403.427.000)</b>	<b>42.036.763.000</b>
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang (ii)	2.333.336.000			(1.654.677.000)	3.988.013.000
Vay dài hạn Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang (iii)	30.651.000.000	2.184.000.000	-	(4.136.750.000)	32.603.750.000
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (iv)	3.142.500.000	-	-	(209.500.000)	3.352.000.000
Vay cá nhân dự án Nguyễn Trãi (v)	6.911.000.000	5.220.500.000	-	(402.500.000)	2.093.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>105.065.254.690</b>	<b>27.670.723.630</b>	<b>(14.401.050.618)</b>	<b>-</b>	<b>91.795.581.678</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2018 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có chi tiết các khoản vay và nợ của các tổ chức tín dụng và cá nhân như sau:

(i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/433488/HĐTD ngày 30/11/2017 với hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 17/10/2018. Các khoản vay tại ngày 31/03/2018 có thời gian vay 8 tháng và chịu lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất Ngân hàng trong từng thời kỳ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh vật liệu xây dựng, gia công các sản phẩm cơ khí, cửa công công trình thủy lợi và thi công các công trình. Công ty sử dụng quyền sử dụng đất thuê tại số 90, đường Đinh Bộ Lĩnh, P.9, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và các tài sản cố định hữu hình theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/433488/HĐBĐ ngày 30/11/2017, toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng và quyền đòi nợ (khoản phải thu) để thế chấp cho khoản vay này.

Ngoài ra, Công ty còn ký kết với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2017/433488/HĐBL ngày 30/11/2017 với hạn mức bảo lãnh là 194.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức bảo lãnh kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 17/10/2018. Như điều kiện đảm bảo tại Hợp đồng tín dụng hạn mức được trình bày ở trên, Công ty còn ký quỹ 5%/ giá trị bảo lãnh bằng tiền gửi không kỳ hạn của Bên được bảo lãnh hoặc cầm cố bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo cho Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức này.

(ii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang bao gồm các khoản vay sau:

(ii.1). Hợp đồng tín dụng số 0282/15/TD/XXVI ngày 10 tháng 02 năm 2015:

- Hạn mức tín dụng là 45.000.000.000 VND;
- Thời hạn của Hợp đồng là 48 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Mục đích của khoản vay: bổ sung vốn thực hiện Dự án Khu nhà ở thương mại xã Trung An, thành phố Mỹ Tho (Dự án Khu Dân cư Lê Văn Phẩm);
- Tài sản đảm bảo: các quyền sử dụng đất của Dự án Khu Dân cư Long Thạnh Hưng, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang và quyền sử dụng đất tại P.6 TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;
- Tại ngày 31/03/2018, số dư nợ vay của hợp đồng tín dụng 0282/15/TD/XXVI là: 7.722.705.000 đồng.

(ii.2). Hợp đồng tín dụng số 1453/17/TD/XXVI ngày 28 tháng 04 năm 2017:

- Hạn mức tín dụng là 7.375.000.000 đồng;
- Thời hạn của Hợp đồng tín dụng: 48 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Mục đích của khoản vay: tài trợ và bồi hoàn vốn thực hiện dự án đầu tư thiết bị thi công cọc ván Bê tông dự ứng lực;
- Tài sản đảm bảo: các tài sản hình thành trong tương lai của dự án để đảm bảo cho khoản vay này;
- Tại ngày 31/03/2018, số dư nợ vay của hợp đồng tín dụng 1453/17/TD/XXVI là: 3.000.000.000 đồng.

(iii) Khoản vay dài hạn Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang bao gồm các hợp đồng sau:

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2018 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(iii.1) Hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTD ngày 25 tháng 02 năm 2016:

- Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000VND;
- Thời hạn của Hợp đồng: 48 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Mục đích của khoản vay: bổ sung vốn thực hiện Dự án khu nhà ở thương mại xã Trung An;
- Tài sản đảm bảo: các quyền sử dụng đất của dự án khu nhà ở thương mại xã Trung An để đảm bảo cho khoản vay này;
- Tại ngày 31/03/2018, số dư nợ vay của hợp đồng tín dụng 01/2016/HĐTD là 7.468.500.000đồng.

(iii.2) Hợp đồng tín dụng số 02/2017/HĐTD ngày 26 tháng 07 năm 2017:

- Hạn mức tín dụng là 58.000.000.000VND;
- Thời hạn của Hợp đồng: 36 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Mục đích khoản vay: đầu tư xây dựng đường Nguyễn Trãi nối dài và khu dân cư hai bên đường;
- Tài sản đảm bảo: các quyền sử dụng đất của khu dân cư Long Thạnh Hưng, dự án khu nhà ở thương mại xã Trung An và các tài sản khác;
- Tại ngày 31/03/2018, số dư nợ vay của hợp đồng tín dụng 02/2017/HĐTD là: 30.910.000.000đồng.

(iv) Khoản vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 02/2017/433488/HĐTD ngày 19 tháng 12 năm 2017:

- Hạn mức tín dụng là 4.190.000.000VND;
- Thời hạn của Hợp đồng: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Mục đích khoản vay: đầu tư 3 xe trộn bê tông HYUNDAI HD270;
- Tài sản đảm bảo: các tài sản hình thành trong tương lai để đảm bảo cho khoản vay này;
- Tại ngày 31/03/2018, số dư nợ vay của hợp đồng tín dụng 02/2017/433488/HĐTD là: 3.980.500.000đồng.

(v) Khoản vay dài hạn các cá nhân thuộc diện đền bù giải tỏa trong dự án Nguyễn Trãi nối dài và khu dân cư hai bên đường với thời hạn vay là 15 tháng đến 20 tháng, lãi suất là 0%/năm. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh. Hình thức vay: Tín chấp.

(\*) Ngày 28 tháng 03 năm 2018, Công ty đã ký hợp đồng tín dụng số 01/2018/433488/HĐTD với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Tiền Giang về khoản vay đầu tư trạm trộn bê tông 120m<sup>3</sup>/h, thời hạn vay 60 tháng, công ty dùng tài sản hình thành trong tương lai để đảm bảo cho khoản vay này. Tại ngày 31/03/2018, công ty chưa tiến hành rút vốn vay đối với hợp đồng này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2018 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 23. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số dư 31/03/2018	Số dư 01/01/2018
Dự phòng phải trả các công trình cơ khí	215.518.571	235.138.571
Dự phòng phải trả các công trình thi công xây dựng	3.210.691.152	3.252.093.243
<b>Cộng</b>	<b>3.426.209.723</b>	<b>3.487.231.814</b>

### 24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chỉ tiêu	Số dư 01/01/2018	Sử dụng các quỹ trong năm	Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ phúc lợi	Số dư 31/03/2018
Quỹ khen thưởng	1.401.523.066	762.000.000	-	639.523.066
Quỹ phúc lợi	1.187.515.252	252.440.000	-	935.075.252
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	18.689.895	-	5.097.240	13.592.655
Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	2.730.371.073	-	-	2.730.371.073
<b>Cộng</b>	<b>5.338.099.286</b>	<b>1.014.440.000</b>	<b>5.097.240</b>	<b>4.318.562.046</b>

### 25. Vốn đầu tư chủ sở hữu

#### a. Tình hình vốn chủ sở hữu

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2018 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2017</b>	<b>119.999.070.000</b>	<b>5.700.930.000</b>	<b>35.776.975.740</b>	<b>118.121.801.546</b>	<b>279.598.777.286</b>
Lãi trong năm	-	-	-	93.360.425.834	93.360.425.834
Trích lập các quỹ	-	-	8.634.839.054	(18.492.918.194)	(9.858.079.140)
Chia cổ tức	-	-	-	(35.999.721.000)	(35.999.721.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2017</b>	<b>119.999.070.000</b>	<b>5.700.930.000</b>	<b>44.411.814.794</b>	<b>156.989.588.186</b>	<b>327.101.402.980</b>
<b>Số dư tại ngày 01/01/2018</b>	<b>119.999.070.000</b>	<b>5.700.930.000</b>	<b>44.411.814.794</b>	<b>156.989.588.186</b>	<b>327.101.402.980</b>
Lãi trong năm	-	-	-	19.858.463.870	19.858.463.870
<b>Số dư tại ngày 31/3/2018</b>	<b>119.999.070.000</b>	<b>5.700.930.000</b>	<b>44.411.814.794</b>	<b>176.848.052.056</b>	<b>346.959.866.850</b>

### b. Vốn điều lệ

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty tương ứng là 119.999.070.000 đồng. Tại ngày 31/03/2018, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ theo giấy phép.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2018 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

<b>c. Cổ phiếu</b>	<b>31/03/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.999.907	11.999.907
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chứng	11.999.907	11.999.907
+ Cổ phiếu phổ thông	11.999.907	11.999.907
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.999.907	11.999.907
+ Cổ phiếu phổ thông	11.999.907	11.999.907
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017</b>
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	20.439.018.481	11.542.233.317
Doanh thu thi công công trình xây dựng	10.400.706.667	23.991.712.899
Doanh thu thi công cơ giới	0	1.718.218.364
Doanh thu kinh doanh bất động sản	23.164.983.275	11.926.045.168
Doanh thu khác	1.042.639.060	0
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>55.047.347.483</b>	<b>49.178.209.748</b>
<b>Doanh thu các bên liên quan</b>		
Cty Cổ phần Xây dựng TICCO	620.473.885	2.095.842.451
Cty TNHH MTV XDTL TICCO	6.799.741.477	2.876.668.270
Cty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO	129.068.646	4.683.636
Cty TNHH MTV Bê tông TICCO	5.983.679.961	6.469.298.321

**2. Giá vốn hàng bán**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2018 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017</b>
Giá vốn bán vật liệu xây dựng	18.489.518.302	9.944.761.307
Giá vốn thi công công trình	10.046.657.018	24.442.351.694
Giá vốn thi công cơ giới	0	1.557.119.436
Giá vốn kinh doanh bất động sản	12.603.193.242	(10.512.445.836)
Giá vốn khác	1.024.590.980	0
<b>Cộng</b>	<b>42.163.959.542</b>	<b>25.431.786.601</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	600.334.717	1.104.506.506
Lãi cho vay	42.296.078	42.296.078
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	36.400.000	18.200.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty con	9.936.221.555	14.714.939.210
Lãi từ thanh lý công ty con	2.418.375.507	0
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	3.089.305	974.441
<b>Cộng</b>	<b>13.036.717.162</b>	<b>15.880.916.235</b>

**4. Chi phí tài chính**

	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017</b>
Chi phí lãi vay	635.251.817	247.077.451
Dự phòng tài chính đầu tư vào công ty con	278.605.091	0
<b>Cộng</b>	<b>913.856.908</b>	<b>247.077.451</b>

**5. Chi phí bán hàng**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2018 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017</b>
Chi phí nhân viên	339.221.838	295.916.909
Chi phí vật liệu, bao bì	1.013.399.816	877.498.951
Chi phí khấu hao tài sản cố định	90.524.517	23.100.879
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.010.525	1.430.180
Chi phí bằng tiền khác	151.034.505	63.600.914
<b>Cộng</b>	<b>1.595.191.201</b>	<b>1.261.547.833</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017</b>
Chi phí nhân viên quản lý	1.338.935.495	1.557.102.464
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	36.830.107	41.709.645
Chi phí dụng cụ quản lý	41.520.129	28.298.721
Chi phí khấu hao	66.489.239	151.495.575
Thuế, phí, lệ phí	245.116.055	107.936.361
Chi phí dự phòng (hoàn nhập)	(760.763.240)	758.080.066
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.448.605	121.105.144
Chi phí bằng tiền khác	559.294.952	1.845.130.278
<b>Cộng</b>	<b>1.615.871.342</b>	<b>4.610.858.254</b>

**7. Thu nhập khác**

	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017</b>
Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình	0	109.163.743
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	199.302.816	-
Thu khác	38.333.781	2.409.393
<b>Cộng</b>	<b>237.636.597</b>	<b>111.573.136</b>

**8. Chi phí khác**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2018 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
Tiền phạt	0	37.813
Chi phí khấu hao tài sản cố định không hoạt động	15.946.323	
Chi phí khác	37.354.693	83.417.640
<b>Cộng</b>	<b>53.301.016</b>	<b>83.455.453</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Chi tiết giao dịch trong giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018 với các bên liên quan**

BÊN LIÊN QUAN	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
<b>GIAO DỊCH BÁN</b>		
<b>CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ CÔNG TRÌNH TICCO</b>		
	Cho thuê máy móc thiết bị	8.391.528
	Bán nguyên vật liệu	120.677.118
	Các khoản chi hộ	42.681.790
	Lợi nhuận chuyển về	582.719.837
<b>CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG THỦY LỢI TICCO</b>		
	Cho thuê máy móc thiết bị	209.903.022
	Bán vật liệu	1.319.838.455
	Thi công công trình	5.270.000.000
	Bán tài sản cố định	1.127.387.644
	Các khoản chi hộ	8.244.448
	Lợi nhuận chuyển về	306.749.706
<b>CÔNG TY TNHH MTV BÊ TÔNG TICCO</b>		
	Cho thuê máy móc thiết bị	588.437.598
	Bán vật liệu	5.395.242.363
	Bán tài sản cố định	491.190.325
	Các khoản chi hộ	300.865.455
	Lãi cho vay	42.296.078
	Lợi nhuận chuyển về	9.046.752.012
<b>CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG TICCO</b>		
	Cho thuê máy móc thiết bị	115.229.794
	Bán vật liệu	505.244.091
	Các khoản chi hộ	138.597.954
<b>GIAO DỊCH MUA</b>		
<b>CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ CÔNG TRÌNH TICCO</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2018 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

<b>BÊN LIÊN QUAN</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Số tiền</b>
	Thi công công trình	6.003.900.000
	Sửa chữa máy móc	76.416.432
	Thuê thiết bị	14.545.455
	Vận chuyển	68.621.650
<b>CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG THỦY LỢI TICCO</b>		
	Thi công công trình	9.623.133.000
<b>CÔNG TY TNHH MTV BÊ TÔNG TICCO</b>		
	Bê tông tươi	977.416.000
	Mua và vận chuyển vật tư	107.326.910
<b>CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG TICCO</b>		
	Thi công công trình	1.469.720.909
	Thuê máy móc thiết bị	30.223.637

**2. Chi tiết số dư tại ngày 31/03/2018 với các bên liên quan**

<b>BÊN LIÊN QUAN</b>	<b>SỐ DƯ CÁC KHOẢN MỤC</b>	<b>SỐ DƯ TẠI 31/03/2018</b>
<b>SỐ PHẢI THU</b>		
<b>CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ CÔNG TRÌNH TICCO</b>		
	Phải thu khách hàng	141.975.511
	Phải thu khác	146.287.748
	Phải thu lợi nhuận	1.016.802.032
<b>CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG THỦY LỢI TICCO</b>		
	Phải thu khách hàng	8.862.957.324
	Phải thu bán tài sản cố định	1.240.126.408
	Phải thu khác	116.244.448
	Phải thu lợi nhuận	2.878.610.607
	Ứng trước thi công công trình	3.043.658.000
<b>CÔNG TY TNHH MTV BÊ TÔNG TICCO</b>		
	Phải thu cho thuê máy móc thiết bị	8.841.419.698
	Phải thu bán tài sản cố định	540.309.358
	Phải thu khác	2.040.045.010
	Phải thu lợi nhuận	100.616.013.477
	Ứng trước thi công công trình	768.008.000
<b>CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG TICCO</b>		
	Phải thu cho thuê máy móc thiết bị	10.793.603.303
	Phải thu khác	3.640.273.963
	Phải thu lợi nhuận	4.816.996.258
	Ứng trước thi công công trình	211.307.000
<b>SỐ PHẢI TRẢ</b>		
<b>CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ CÔNG TRÌNH TICCO</b>		

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2018 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

BÊN LIÊN QUAN	SỐ DƯ CÁC KHOẢN MỤC	SỐ DƯ TẠI 31/03/2018
	Phải trả người bán	2.259.469.890
<b>CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG THỦY LỢI TICCO</b>	Phải trả thi công công trình	11.604.273.156
<b>CÔNG TY TNHH MTV BÊ TÔNG TICCO</b>	Phải trả mua bê tông và vật tư	1.226.413.520
<b>CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG TICCO</b>	Phải trả thi công công trình	7.188.849.129
	Phải trả khác	119.067.000

### 3. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong quý 1 năm 2018 từ lương, thưởng, phụ cấp là 1.012.358.000 đồng (Quý 1/2017 là 1.290.389.000 đồng).

### 4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán. Số liệu quý 1/2018 của Báo cáo kết quả hoạt động kinh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được so sánh với số liệu trên Báo cáo tài chính quý 1/2017.

### 5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo quyết định số 17/QĐ-HDQT ngày 02 tháng 04 năm 2018, Công ty quyết định thành lập Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng TICCO, vốn điều lệ là 3.500.000.000 đồng.

Tiền Giang, ngày 26 tháng 4 năm 2018

Người lập biểu

HUỲNH THỊ MỸ HƯƠNG

Kế toán trưởng

LÊ MỸ PHƯỢNG

Tổng Giám đốc



TRẦN HOÀNG HUÂN